

Hải Phòng, ngày 28 tháng 08 năm 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO**
Mã chứng khoán: **HAP**
Địa chỉ trụ sở chính: **Tầng 3, Tòa nhà Green, Số 7 Lô 28A đường Lê Hồng Phong, phường Gia Viên, thành phố Hải Phòng.**
Điện thoại: **(84 225) 3556 002**
Fax: **(84 225) 3556 008**
Người công bố thông tin: **Vũ Xuân Thịnh – Phó Tổng Giám đốc**

Nội dung thông tin công bố:

Căn cứ quy định về công bố thông tin, Công ty CP Tập đoàn HAPACO xin công bố thông tin Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất bán niên năm 2025 đã kiểm toán, bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Tập đoàn HAPACO: www.hapaco.vn mục Quan hệ cổ đông vào ngày 28/08/2025.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người được ủy quyền công bố thông tin



Vũ Xuân Thịnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 28 tháng 08 năm 2025

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco giải trình nội dung sau:

Chi tiết chênh lệch Lợi nhuận sau thuế TNDN Quý 2 năm 2025 với Quý 2 năm 2024: (đơn vị tính: đồng VN)

Nội dung	Quý 2/2025	Quý 2/2024	Chênh lệch	Tỷ lệ thay đổi
Lợi nhuận sau thuế TNDN	6.763.136.685	-1.575.624.603	8.338.761.288	529%

Do trong 6 tháng đầu năm tình hình sản xuất kinh doanh của các công ty con khởi sắc hơn, Công ty đã đánh giá và hoàn nhập bổ sung dự phòng đầu tư tài chính dài hạn và thu lợi nhuận từ công ty con.

Trên đây là những giải trình của Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco về lợi nhuận sau thuế TNDN của Tập đoàn Hapaco.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC - PHU TRÁCH

- Như kính gửi;
- Lưu VP, TCKT



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
HAPACO**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
đã soát xét cho kỳ tài chính
từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025



MỤC LỤC

	Trang
THÔNG TIN VỀ CÔNG TY	2
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 24

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước theo hình thức: Chuyển nhượng toàn bộ giá trị thuộc phần vốn Nhà nước hiện có tại Công ty Giấy Hải Phòng và số cổ phần Nhà nước hiện có của Công ty Giấy Hải Phòng trong Công ty Cổ phần Hải Âu cho Công ty Cổ phần Hapaco theo Quyết định số 1912/QĐ/UB ngày 28 tháng 10 năm 1999 của UBND thành phố Hải Phòng. Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco được đổi tên từ Công ty Cổ phần Hapaco theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200371361 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần thứ 11 ngày 21 tháng 11 năm 2009. Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 12 tháng 08 năm 2024.

Cổ phiếu của công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 8 năm 2000 với mã giao dịch là HAP.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị đã điều hành hoạt động của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Vũ Dương Hiền	Chủ tịch	
- Ông Vũ Xuân Thủy	Phó chủ tịch	
- Ông Vũ Xuân Thịnh	Ủy viên	
- Ông Vũ Xuân Cường	Ủy viên	
- Ông Phạm Công Ngừ	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm ngày 31/03/2025
- Ông Nguyễn Đức Hậu	Ủy viên	
- Bà Lê Thị Mai Anh	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 31/03/2025
- Ông Đoàn Đức Luyện	Thành viên độc lập	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Vũ Xuân Thủy	Phó Tổng Giám đốc phụ trách
- Ông Vũ Xuân Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Vũ Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Đức Hậu	Phó Tổng Giám đốc

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Bà Khoa Thị Thanh Huyền	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 02/04/2025
- Ông Phạm Đức Phiên	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 31/03/2025
- Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang	Thành viên	
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31/03/2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này là ông Vũ Dương Hiền - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông Vũ Xuân Thủy - Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban Tổng Giám đốc được ông Vũ Dương Hiền ủy quyền ký Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 theo Giấy Ủy quyền số 80/2022/GUQ-HAP của Chủ tịch Hội đồng quản trị ngày 20/10/2022.

TRỤ SỞ ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 3, toà nhà Green, số 7 lô 28 A đường Lê Hồng Phong, Phường Gia Viên, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 của Công ty.

10/01/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco (dưới đây được gọi là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 đã được soát xét.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng giám đốc chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 đính kèm được trình bày từ trang 05 đến trang 24. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này đã phản ánh trung thực, hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Như được trình bày tại Bản thuyết minh báo cáo tài chính số III.1 của báo cáo tài chính, Công ty là công ty mẹ của các công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được phát hành riêng lẻ. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần được đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được đề cập để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 08 năm 2025

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Phó Tổng Giám đốc phụ trách
Vũ Xuân Thủy

Số: BC/BDO/2025. 6.15

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

*Về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco
cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025*

Kính gửi: CÁC CƠ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 08 năm 2025 từ trang 05 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Nguyễn Tuấn Anh - Phó Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán 1906-2023-038-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

B01a-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		175.151.393.767	167.181.422.162
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	15.553.285.270	1.158.902.853
1. Tiền	111		15.553.285.270	158.902.853
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		25.100.000.000	25.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.1	25.100.000.000	25.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		134.143.356.267	140.692.722.417
1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
2. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4.1	31.136.806.070	33.231.806.070
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3.1	205.234.731.886	208.794.338.407
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(102.228.181.689)	(101.333.422.060)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		354.752.230	329.796.892
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		354.752.230	329.796.892
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.019.425.634.270	1.014.448.352.831
I. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	-	-
Nguyên giá	222		796.235.000	796.235.000
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(796.235.000)	(796.235.000)
II. Bất động sản đầu tư	230		-	-
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.019.425.634.270	1.014.448.352.831
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2.2	1.028.300.577.586	1.028.300.577.586
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2.2	17.000.000.000	17.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2.2	(25.874.943.316)	(30.852.224.755)
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.194.577.028.037	1.181.629.774.993

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

B01a-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		46.494.946.907	40.310.830.548
I. Nợ ngắn hạn	310		46.494.946.907	40.310.830.548
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.7	1.888.258.688	1.888.258.688
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8	37.116.261.124	37.116.261.124
3. Phải trả người lao động	314		170.860.170	160.890.170
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		75.000.000	90.000.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.9	7.217.826.052	1.019.679.693
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		26.740.873	35.740.873
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.148.082.081.130	1.141.318.944.445
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.10	1.148.082.081.130	1.141.318.944.445
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.110.977.720.000	1.110.977.720.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.110.977.720.000	1.110.977.720.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		29.895.944.671	29.895.944.671
3. Cổ phiếu quỹ	415		(4.570.790.000)	(4.570.790.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.234.041.664	6.234.041.664
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.545.164.795	(1.217.971.890)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(1.217.971.890)	28.741.902.357
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.763.136.685	(29.959.874.247)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.194.577.028.037	1.181.629.774.993

Lập ngày 28 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc phụ trách

Phạm Đức Phiên

Phạm Đức Phiên

Vũ Xuân Thủy

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****B02a-DN**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch	10		-	-
4. Giá vốn hàng bán	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.1	10.860.923.599	6.436.403.244
7. Chi phí tài chính	22	VI.2	(4.977.092.802)	(10.598.438.588)
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.3	9.074.879.716	18.610.466.435
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.763.136.685	(1.575.624.603)
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.763.136.685	(1.575.624.603)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.5	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.763.136.685	(1.575.624.603)

Người lập biểu



Phạm Đức Phiên

Kế toán trưởng



Phạm Đức Phiên

Lập ngày 28 tháng 08 năm 2025

Phó Tổng Giám đốc phụ trách



HAPACO GROUP
Vũ Xuân Thủy

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025
 (Theo phương pháp gián tiếp)

B03a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.763.136.685	(1.575.624.603)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		-	-
- Các khoản dự phòng	03		(4.082.521.810)	(9.653.052.022)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10.860.923.599)	(6.436.403.244)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(8.180.308.724)	(17.665.079.869)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		684.082.293	6.354.591.546
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		6.193.116.359	(4.208.631.319)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(9.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.312.110.072)	(15.519.119.642)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(100.000.000)	(24.148.500.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.095.000.000	4.900.000.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	24.221.712.500
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		13.711.492.489	9.485.792.267
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		15.706.492.489	14.459.004.767
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		14.394.382.417	(1.060.114.875)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	1.158.902.853	1.905.935.705
Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	15.553.285.270	845.820.830

Người lập biểu

Kế toán trưởng


 Phạm Đức Phiên


 Phạm Đức Phiên

Lập ngày 28 tháng 08 năm 2025

Phó Tổng Giám đốc phụ trách



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

B09a-DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước theo hình thức: Chuyển nhượng toàn bộ giá trị thuộc phần vốn Nhà nước hiện có tại Công ty Giấy Hải Phòng và số cổ phần Nhà nước hiện có của Công ty Giấy Hải Phòng trong Công ty Cổ phần Hải Âu cho Công ty Cổ phần Hapaco theo Quyết định số 1912/QĐ/UB ngày 28 tháng 10 năm 1999 của UBND thành phố Hải Phòng. Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco được đổi tên từ Công ty Cổ phần Hapaco theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200371361 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần thứ 11 ngày 21 tháng 11 năm 2009. Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 12 tháng 08 năm 2024.

2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

- Đầu tư tài chính và mua bán chứng khoán.

3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động của Công ty là được tính theo năm dương lịch, thường không quá 12 tháng.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty, trong kỳ không có sự kiện hay hoạt động nào gây ảnh hưởng đáng kể tới Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2025, Công ty có 6 công ty con và 1 công ty liên kết, chi tiết như sau:

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con					
1	Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng (tiền thân là Công ty TNHH Hapaco Hải Âu)	Số 441A đường Tôn Đức Thắng, phường An Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Sản xuất giấy	99,91%	99,91%
2	Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn	Thôn Nước Mát, phường Âu Lâu, tỉnh Lào Cai, Việt Nam	Sản xuất giấy	100,00%	100,00%
3	Công ty TNHH MTV Hapaco Đông Bắc	Km18, quốc lộ 15A, xã Mai Hạ, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	Trồng rừng, sản xuất giấy	100,00%	100,00%
4	Công ty Cổ phần Hải Hà	Cụm Công nghiệp Nam Quang, xã Vĩnh Tuy, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam	Sản xuất giấy	73,07%	73,07%
5	Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco (tiền thân là Công ty TNHH Hapaco H.P.P)	Tổ dân phố Tiên Nông, Phường Hồng An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Sản xuất giấy	99,89%	99,89%
6	Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green	738 Nguyễn Văn Linh, Phường An Biên, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam	Kinh doanh dịch vụ bệnh viện	81,83%	81,83%

6. Nhân viên

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2025 là 12 người (tại ngày 31/12/2024 là 12 người).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Thông tin so sánh được trình bày theo số liệu từ Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán năm:** Theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 (“Báo cáo tài chính hợp nhất”) theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các tài liệu hướng dẫn có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này. Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng của năm tài chính gần nhất.

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (không quá 3 tháng), tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Việc xác định các khoản tương đương tiền đảm bảo theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con là những đơn vị mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết.

Công ty liên kết là tất cả các đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở các đơn vị đó.

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con, công ty liên kết sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ.

Đầu tư vào các đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi từ khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải thu khách hàng:** Gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua, bán.
- **Phải thu khác:** Gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán (như: phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; các khoản phải thu về cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...).

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản nợ phải thu, căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình là toàn bộ chi phí Công ty phải bỏ ra để có được tài sản tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc xác định nguyên giá tài sản cố định hữu hình đối với từng trường hợp được áp dụng phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 – Tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí phát sinh sau khi đưa tài sản cố định vào hoạt động (chi phí nâng cấp, cải tạo, duy tu, sửa chữa...) được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản được ghi nhận là khoản lãi hoặc lỗ và trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của công ty.

Tài sản cố định hữu hình được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhóm TSCĐ

Số năm

Nhà cửa, vật kiến trúc

05 - 25 năm

Phương tiện vận tải

06 - 10 năm

Thiết bị quản lý

03 - 05 năm

5. Nguyên tắc kế toán thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (20%). Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được trình bày theo giá gốc. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải trả người bán:** Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản.

- **Phải trả khác:** Gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ (như: Phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; phải trả do bên thứ ba chi hộ; phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...).

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn giá trị phải thanh toán.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc kỳ tài chính trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng, bao gồm các khoản: Chi phí kiểm toán và phí lưu ký chứng khoán.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần tiền nhận được cao hơn mệnh giá của cổ phiếu phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng về thuế được ghi giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần.

b) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án phát hành đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỷ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá cổ phiếu mua lại và giá trị thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

c) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận chưa phân phối được theo dõi chi tiết theo kết quả hoạt động kinh doanh của từng kỳ tài chính (kỳ trước, kỳ này), đồng thời theo dõi chi tiết theo từng nội dung phân chia lợi nhuận (trích lập các quỹ, bổ sung Vốn đầu tư của chủ sở hữu, chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư).

d) Nguyên tắc ghi nhận Quỹ đầu tư phát triển

Theo quy định tại Điều lệ Công ty, việc trích và sử dụng Quỹ đầu tư phát triển như sau:

Tỷ lệ trích lập: theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Mục đích sử dụng: Đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Thẩm quyền ra quyết định trích lập và sử dụng quỹ: Đại hội đồng cổ đông.

9. Nguyên tắc kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay

Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức và lợi nhuận được chia được xác lập. Cổ tức cổ phần không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức và lợi nhuận được chia nhận được liên quan đến giai đoạn trước ngày mua lại khoản đầu tư được ghi giảm giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

B09a-DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

10. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính và chi phí tài chính khác. Chi phí tài chính của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong kỳ.

Trong năm công ty có khoản hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính ghi giảm chi phí tài chính.

11. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng,...).

Trong năm công ty có khoản hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

12. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch và số dư với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở Thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền mặt	188.519.735	26.311.615
Tiền gửi ngân hàng	15.364.765.535	132.591.238
Cộng	15.553.285.270	158.902.853
Các khoản tương đương tiền	-	1.000.000.000
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	15.553.285.270	1.158.902.853

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

B09a-DN

2. Các khoản đầu tư tài chính

2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn (*)	25.100.000.000	-	25.100.000.000	25.000.000.000	-	25.000.000.000
Cộng	25.100.000.000	-	25.100.000.000	25.000.000.000	-	25.000.000.000

(*) Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - PGD kỳ hạn từ 5 tháng đến 9 tháng, lãi suất từ 4,75% đến 5,45%/năm theo hợp đồng.

2.2 Đầu tư tài chính dài hạn

Tên đơn vị	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	1.028.300.577.586	(8.874.943.316)		1.028.300.577.586	(13.852.224.755)	
Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng	41.628.175.931	-	(*)	41.628.175.931	-	(*)
Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn	12.891.166.000	-	(*)	12.891.166.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Hải Hà	9.500.000.000	(584.318.870)	(*)	9.500.000.000	(80.104.645)	(*)
Công ty TNHH MTV Hapaco Đông Bắc	7.238.119.565	-	(*)	7.238.119.565	(195.382.386)	(*)
Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco	126.870.000.000	(8.290.624.446)	(*)	126.870.000.000	(13.576.737.724)	(*)
Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green	830.173.116.090	-	(*)	830.173.116.090	-	(*)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	17.000.000.000	(17.000.000.000)		17.000.000.000	(17.000.000.000)	
Công ty Cổ phần Đầu tư Hafinco	15.000.000.000	(15.000.000.000)	(*)	15.000.000.000	(15.000.000.000)	(*)
Công ty Cổ phần Đông dược Tiên Sa	2.000.000.000	(2.000.000.000)	(*)	2.000.000.000	(2.000.000.000)	(*)
Cộng	1.045.300.577.586	(25.874.943.316)		1.045.300.577.586	(30.852.224.755)	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý do các khoản đầu tư này chưa niêm yết trên thị trường, Chế độ kế toán và Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Thông tin chi tiết của các công ty con, bao gồm ngành nghề kinh doanh, tỷ lệ quyền biểu quyết, tỷ lệ lợi ích được trình bày tại thuyết minh số I.5 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Các giao dịch giữa Công ty và các Công ty con, Công ty liên kết được trình bày tại thuyết minh số VII.2 - Giao dịch với các bên liên quan của Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****B09a-DN**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

3. Phải thu khác**3.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phải thu khác các bên liên quan	140.897.567.681	145.125.359.133
<i>Phải thu từ cổ tức</i>	<i>2.259.922.000</i>	<i>5.778.675.821</i>
Công ty TNHH MTV Hapaco Đông Bắc	700.000.000	880.000.000
Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn	680.000.000	3.480.000.000
Công ty Cổ phần Hải Hà	879.922.000	1.119.922.000
Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco	-	298.753.821
<i>Phải thu từ lãi cho vay</i>	<i>28.421.918</i>	<i>32.219.178</i>
Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green	-	-
Công ty TNHH MTV Hapaco Đông Bắc	28.421.918	32.219.178
<i>Phải thu từ cho mượn</i>	<i>129.609.223.763</i>	<i>130.314.464.134</i>
Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng	2.194.003.286	2.194.003.286
Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green	81.803.999.597	83.303.999.597
Công ty TNHH Vida Hải Phòng	12.754.873.668	11.860.114.039
Công ty TNHH KDTM và XNK Hapaco Hà Nội	663.017.782	663.017.782
Công ty Cổ phần Dệt may Hapaco	32.150.675.830	32.150.675.830
Công ty TNHH Xuất khẩu lao động và Dịch vụ du lịch Hapaco	42.653.600	142.653.600
<i>Phải thu từ ủy thác đầu tư</i>	<i>9.000.000.000</i>	<i>9.000.000.000</i>
Ông Vũ Dương Hiền	9.000.000.000	9.000.000.000
Phải thu bên thứ ba	64.337.164.205	63.668.979.274
Tạm ứng	8.407.819.000	8.407.819.000
+ Bùi Doãn Nhân	7.397.819.000	7.397.819.000
+ Ông Nguyễn Tuấn Anh	1.000.000.000	1.000.000.000
+ Cán bộ công nhân viên khác	10.000.000	10.000.000
Ông Nguyễn Tuấn Anh - Ủy thác đầu tư	45.450.000.000	45.450.000.000
Ông Hoàng Văn Vịnh - thực hiện dự án	9.471.400.000	9.471.400.000
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	1.007.945.205	339.760.274
Cộng	205.234.731.886	208.794.338.407

3.2 Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Trong kỳ, biến động của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số dư đầu kỳ	76.333.422.060	74.606.980.837
Trích lập bổ sung trong kỳ	894.759.629	12.411.618.990
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(10.685.177.767)
Số dư cuối kỳ	77.228.181.689	76.333.422.060

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn**4.1 Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phải thu về cho vay các bên khác	-	-
Phải thu về cho vay các bên liên quan	31.136.806.070	33.231.806.070
Công ty TNHH KDTM và XNK Hapaco Hà Nội	25.000.000.000	25.000.000.000
Công ty TNHH MTV Hapaco Đông Bắc	1.900.000.000	2.000.000.000
Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green	4.236.806.070	6.231.806.070
Cộng	31.136.806.070	33.231.806.070

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****B09a-DN**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

4.2 Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Trong kỳ, biến động của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số dư đầu kỳ	25.000.000.000	7.500.000.000
Trích lập bổ sung trong kỳ	-	17.500.000.000
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	25.000.000.000	25.000.000.000

5. Nợ xấu

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán, hoặc không quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Dệt may Hapaco	32.150.675.830	-	32.150.675.830	-
Ông Hoàng Văn Vịnh	9.471.400.000	-	9.471.400.000	-
Công ty TNHH KDTM và XNK Hapaco Hà Nội	25.663.017.782	-	25.663.017.782	-
Công ty TNHH Vida Hải Phòng	12.754.873.668	-	11.860.114.039	-
Ông Nguyễn Tuấn Anh	46.450.000.000	31.659.604.591	46.450.000.000	31.659.604.591
Ông Bùi Doãn Nhân	7.397.819.000	-	7.397.819.000	-
Cộng	133.887.786.280	31.659.604.591	132.993.026.651	31.659.604.591

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	490.904.545	200.000.000	105.330.455	796.235.000
Số cuối kỳ	490.904.545	200.000.000	105.330.455	796.235.000
Giá trị hao mòn				
Số đầu kỳ	490.904.545	200.000.000	105.330.455	796.235.000
Khấu hao trong kỳ		-	-	-
Số cuối kỳ	490.904.545	200.000.000	105.330.455	796.235.000
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	-	-	-	-

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng tại ngày 30/06/2025 là 796.235.000 VND (tại ngày 31/12/2024 là 796.235.000 VND).

7. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	1.294.044.600	1.294.044.600	1.294.044.600	1.294.044.600
Các nhà cung cấp khác	594.214.088	594.214.088	594.214.088	594.214.088
Cộng	1.888.258.688	1.888.258.688	1.888.258.688	1.888.258.688

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****B09a-DN**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**Thuế phải nộp**

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.654.065.086	-	-	20.654.065.086
Thuế thu nhập cá nhân	30.900.000	285.606.197	285.606.197	30.900.000
Thuế khác	16.431.296.038	3.000.000	3.000.000	16.431.296.038
Cộng	37.116.261.124	288.606.197	288.606.197	37.116.261.124

9. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phải trả các bên liên quan	6.701.246.179	-
Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco	5.701.246.179	-
Công ty TNHH MTV Hapaco Đông Bắc	1.000.000.000	-
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	516.579.873	1.019.679.693
Kinh phí công đoàn	15.344.700	26.204.520
Bảo hiểm xã hội	41.520.120	36.930.120
Bảo hiểm y tế	7.327.080	6.517.080
Bảo hiểm thất nghiệp	2.356.480	1.996.480
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	179.101.800	677.101.800
Cổ tức phải trả cổ đông	36.681.270	36.681.270
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	234.248.423	234.248.423
Cộng	7.217.826.052	1.019.679.693

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

B09a-DN

10. Vốn chủ sở hữu

10.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	1.110.977.720.000	29.895.944.671	(4.570.790.000)	6.234.041.664	28.741.902.357	1.171.278.818.692
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	(29.959.874.247)	(29.959.874.247)
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-
Chuyển Quỹ đầu tư phát triển về lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	1.110.977.720.000	29.895.944.671	(4.570.790.000)	6.234.041.664	(1.217.971.890)	1.141.318.944.445
Số dư đầu kỳ	1.110.977.720.000	29.895.944.671	(4.570.790.000)	6.234.041.664	(1.217.971.890)	1.141.318.944.445
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	6.763.136.685	6.763.136.685
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.110.977.720.000	29.895.944.671	(4.570.790.000)	6.234.041.664	5.545.164.795	1.148.082.081.130

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****B09a-DN**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

10.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Ông Vũ Dương Hiền	248.337.440.000	143.683.340.000
Các cổ đông khác	862.640.280.000	967.294.380.000
Cộng	1.110.977.720.000	1.110.977.720.000

10.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	1.110.977.720.000	1.110.977.720.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	1.110.977.720.000	1.110.977.720.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

10.4 Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	111.097.772	111.097.772
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	111.097.772	111.097.772
- Cổ phiếu phổ thông	111.097.772	111.097.772
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	155.470	155.470
- Cổ phiếu phổ thông	155.470	155.470
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	110.942.302	110.942.302
- Cổ phiếu phổ thông	110.942.302	110.942.302
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	860.923.599	4.545.273.724
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	-	597.460.977
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.000.000.000	1.293.668.543
Cộng	10.860.923.599	6.436.403.244

2. Chi phí tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí tài chính khác	188.637	54.613.434
(Hoàn nhập)/Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(4.977.281.439)	(10.653.052.022)
Cộng	(4.977.092.802)	(10.598.438.588)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****B09a-DN**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	1.586.560.269	1.181.948.200
Chi phí nguyên vật liệu, CCDC	-	25.165.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	-
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	894.759.629	1.000.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.590.559.818	16.400.353.235
Chi phí bằng tiền khác	-	-
Cộng	9.074.879.716	18.610.466.435

4. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân công	1.586.560.269	1.181.948.200
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	25.165.000
Chi phí dự phòng	894.759.629	1.000.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.590.559.818	16.400.353.235
Chi phí khác bằng tiền	3.000.000	3.000.000
Cộng	9.074.879.716	18.610.466.435

5. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là bảng chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong kỳ của Công ty:

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận trước thuế theo kế toán	6.763.136.685	(1.575.624.603)
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán	(10.000.000.000)	(1.293.668.543)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	10.000.000.000	1.293.668.543
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	10.000.000.000	1.293.668.543
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước	(3.236.863.315)	(2.869.293.146)
Lỗ năm trước chuyển sang	(2.506.629.954)	-
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành	(5.743.493.269)	(2.869.293.146)
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính kỳ hiện hành	-	-

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

2.1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng

	Kỳ này	Kỳ trước
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc	1.134.796.769	649.635.000
Ông Vũ Dương Hiền	276.485.000	194.308.000
Ông Vũ Xuân Thùy	252.116.000	141.135.000
Ông Vũ Xuân Cường	226.347.000	134.784.000
Ông Vũ Xuân Thịnh	201.692.000	122.708.000
Ông Nguyễn Đức Hậu	42.000.000	18.900.000
Ông Phạm Công Ngữ (thu nhập đến ngày 31/03/2025)	73.156.769	18.900.000
Bà Lê Thị Mai Anh (thu nhập từ ngày 31/03/2025)	21.000.000	-
Ông Đoàn Đức Luyện	42.000.000	18.900.000
Ban kiểm soát	349.380.000	216.721.000
Ông Phạm Đức Phiên (thu nhập đến ngày 31/03/2025)	21.000.000	18.900.000
Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang	153.565.000	98.108.400
Bà Khoa Thị Thanh Huyền	158.315.000	99.712.600
Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo (thu nhập từ ngày 31/03/2025)	16.500.000	-
Kế toán trưởng	127.677.000	63.814.000
Bà Cao Thị Thúy Lan - Kế toán trưởng (thu nhập đến ngày 16/03/2025)	53.484.000	63.814.000
Ông Phạm Đức Phiên (thu nhập từ ngày 03/04/2025)	74.193.000	-
Thu nhập thành viên Ban lãnh đạo	1.611.853.769	930.170.000

Các giao dịch khác

Ông Vũ Dương Hiền - Chủ tịch HĐQT

- Thu lại tiền ủy quyền gửi tiết kiệm

- Nhận lãi tiền gửi tiết kiệm ủy quyền

Kỳ này

Kỳ trước

-

129.928.767

4.900.000.000

4.544.874.676

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

B09a-DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

2.2 Các bên liên quan khác

Danh sách các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng	Công ty con
Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn	Công ty con
Công ty TNHH Hapaco Đông Bắc	Công ty con
Công ty Cổ phần Hải Hà	Công ty con
Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco	Công ty con
Công ty Cổ phần Bệnh Viện Quốc Tế Green	Công ty con
Công ty Cổ phần chứng khoán Hải Phòng	Ông Vũ Dương Hiền là chủ tịch Hội đồng quản trị (từ ngày 01/01/2024 đến ngày 21/09/2024)
Công ty Cổ phần Đầu tư Hafinco	Ông Vũ Dương Hiền là chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Đông được Tiên Sa	Ông Vũ Dương Hiền là chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty TNHH Vida Hải Phòng	Ông Vũ Dương Hiền là Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty
Công ty Cổ phần Dệt may Hapaco	Ông Nguyễn Đức Hậu là người đại diện theo pháp luật của công ty kiêm Phó Tổng Giám đốc công ty mẹ
Công ty TNHH KDTM và XNK Hapaco Hà Nội	Ông Vũ Dương Hiền là Giám đốc Công ty
Công ty Cổ phần Bao bì Ông giấy Hải Dương	Ông Vũ Xuân Anh đại diện pháp luật của công ty là con của ông Vũ Xuân Thủy
Công ty TNHH Xuất khẩu lao động và Dịch vụ du lịch Hapaco	Ông Vũ Dương Hiền là Giám đốc Công ty

Giao dịch với các bên liên quan này trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng		
Thu tiền cổ tức	-	1.293.668.543
Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn		
Doanh thu tài chính từ cổ tức	10.000.000.000	-
Thu tiền cổ tức	12.800.000.000	1.200.000.000
Công ty Cổ phần Hải Hà		
Thu tiền cổ tức	240.000.000	240.000.000
Công ty TNHH MTV Hapaco Đông Bắc		
Chuyển tiền về Công ty mẹ	1.000.000.000	-
Thu tiền cổ tức	180.000.000	180.000.000
Doanh thu tài chính từ lãi cho vay	57.221.918	-
Thanh toán gốc vay	100.000.000	-
Thanh toán tiền lãi vay	61.019.178	-
Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco		
Chuyển tiền về Công ty mẹ	6.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green		
Trả tiền vay công ty mẹ	1.500.000.000	7.930.000.000
Công ty TNHH Vida Hải Phòng		
Chuyển tiền chi hộ	894.759.629	1.168.765.868
Công ty Cổ phần chứng khoán Hải Phòng		
Mua hàng hóa, dịch vụ	-	50.100.248
Công ty Cổ phần Dệt may Hapaco		
Chuyển tiền chi hộ	-	2.000.000.000
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu lao động và Dịch vụ du lịch Hapaco		
Chuyển tiền chi hộ	400.000.000	-
Thanh toán tiền chi hộ	500.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

B09a-DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

2.3 Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán

Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, công nợ với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.3; V.4; V.9.

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

Người lập biểu



Phạm Đức Phiên

Kế toán trưởng



Phạm Đức Phiên

Lập ngày 28 tháng 08 năm 2025

Phó Tổng Giám đốc phụ trách



Lưu: Vũ Xuân Thủy